

Số: 24/2023/QĐST-DS

H, ngày 25 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án
- Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **296/2022/TLST-DS** ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V Bank)**

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành H – chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 3762/2022/UQ-VPB ngày 10/11/2022).

- Bị đơn: + Bà **Vũ Thị D**, sinh năm 1957;

+ Ông **Vũ Kim T**, sinh năm 1955

Cùng HKTT và nơi ở: Số 26 ngõ 14 phố N, phường Đ, quận B, thành phố H.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: Tạm tính đến ngày 17/02/2023, bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền của cả 02 Hợp đồng tín dụng, gồm Hợp đồng tín dụng số: **LD2032101733** ngày 16/11/2020 và hợp đồng tín dụng

số: **LD1921901320** ngày 07/8/2019, tổng cộng là **1.532.135.119** đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm mười chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số **LD2032101733** ngày 16/11/2020 là 814.800.000 đồng, nợ lãi 89.771.137 đồng, phạt chậm trả là 4.519.514 đồng tổng cộng là 909.090.651 đồng (*Chín trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng*).

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số **LD1921901320** ngày 07/8/2019 là 513.395.221 đồng, nợ lãi là 103.003.237 đồng, phạt chậm trả là 6.646.011 đồng tổng cộng là 623.044.468 đồng (*Sáu trăm hai mươi ba triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng*).

2. Về thời hạn thanh toán: Bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng TMCP V theo lộ trình sau:

- Lần 1: Chậm nhất đến ngày 30/4/2023, bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T sẽ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) (trừ vào nợ gốc).

- Lần 2: Chậm nhất đến ngày 30/6/2023, bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T sẽ trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn lại là: 1.432.135.119 đồng (*Một tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm mười chín đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/02/2023 cho đến khi Bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày 17/02/2023, bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng gồm Hợp đồng tín dụng số: **LD2032101733** ngày 16/11/2020 và hợp đồng tín dụng số: **LD1921901320** ngày 07/8/2019 cho đến khi bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Trường hợp vợ chồng bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, cụ thể tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 26 ngõ 14, phố N, phường Đ, quận B, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 010113573003739, Hồ sơ gốc số: 614/2008/QĐ-04 do UBND quận B, thành phố H cấp ngày 06/10/2008 đứng tên chủ sở hữu, sử dụng là vợ chồng bà Vũ Thị D và ông Vũ Kim T theo Hợp đồng thế chấp số công

chứng 1014/2017, quyền số 02-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 03/4/2017 tại văn phòng công chứng K; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 3021/2019 quyền số 03-2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng N ngày 05/8/2019.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D, ông T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 30.030.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002718 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THA DS quận B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Sen